| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỸ XUYÊN**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

*Bản án số:17/2022/HNGĐ-ST*
*Ngày: 24/05/2022.*
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.
- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Ngô Quốc Tiệp
2. Ông Dương Tuấn Kiệt

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 03 năm 2022 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐ-ST, ngày 15/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Như L**, sinh năm 1996.( Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- *Bị đơn:* Ông **Châu Ngọc N**, sinh năm 1985.( Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

# NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/2/2022 nguyên đơn bà Trần Thị Như L trình bày:* Vào ngày 4/3/2015 bà L và ông N có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau cũng hạnh phúc. Đến năm 2019 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn lý do là ông N ghen tuông và dùng bạo lực với bà L vì vậy vợ chồng sống ly thân nhau đã 03 năm không hàn gắn lại được. Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn lại được vì bà không còn tình cảm với ông N nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông N. Về con chung trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Châu Trần Thị Đông N, sinh ngày 28/8/2015, hiện nay đang sống với bà L. Nay về con chung bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng

thành, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Châu Ngọc N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và có ý kiến đồng ý ly hôn, về con chung ông N cũng thống nhất để bà L nuôi dưỡng con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề N HĐXX cho bà L được ly hôn với ông N. Về con chung giao cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Châu Trần Thị Đông N, sinh năm 2015, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung, không có nên không đặt vấn đề xem xét. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi Nên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về thủ tục tố tụng***:* Đối với nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà L và ông N theo quy định pháp luật.

**Về nội dung:**

[1] *Về hôn nhân*:

Bà Trần Thị Như L và ông Châu Ngọc N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015 và được Ủy ban nhân dân xã thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông N ghen tuông và có bạo lực với bà L và cuối cùng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không hàn gắn lại được.

[2] Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông N và bà L không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân thời gian dài mà không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà L yêu cầu được ly hôn với ông N là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông N và bà L đã có với nhau 01 con chung là cháu Châu Trần Thị Đông N, sinh năm 2015, hiện nay đang sống với bà L. Nay về con chung bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ trước đến nay cháu N sống chung với bà L, do đó cần tiếp tục để cháu N được sống chung với mẹ và giao cháu N cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông N.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí*:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề N của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề N của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228**,** Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Như L.

- *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị Như L được ly hôn với ông Châu Ngọc N.

- *Về con chung*: Bà L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Châu Trần Thị Đông N, sinh ngày 28/8/2015 đến đủ 18 tuổi, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom chăm sóc con cho ông N không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung:* Không có

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà L phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0009882, ngày

7/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Xuyên;*
- *Chi cục THADS huyện MX;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Dương Hải**